

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành
Dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai
tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định
Dự án thành phần: Sửa chữa, nâng cấp hệ thống tưới tiêu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 497/TTr-STC ngày 19/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành với nội dung như sau:

- Tên dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định.

Dự án thành phần: Sửa chữa, nâng cấp hệ thống tưới tiêu.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT Bình Định.

- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.

- Cơ quan phê duyệt dự án Đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.

- Địa điểm xây dựng: Huyện Tây Sơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Thời gian khởi công - hoàn thành: từ ngày 03/02/2020 đến ngày 31/12/2021.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	TMĐT/ Dự toán được duyệt lần cuối	Giá trị quyết toán
	Tổng cộng:	96.849.114.000	91.693.323.000
I	Chi phí bồi thường, GPMB	6.107.657.000	6.107.657.000
1	Chi phí bồi thường, GPMB		5.986.062.000
	<i>HM: Xây dựng mới đập Đức Phổ xã Cát Minh</i>		1.680.068.000
	<i>HM: Khắc phục và mở rộng hệ thống kênh tưới Văn Phong - Thuận Ninh</i>		3.100.527.000
	<i>HM: Sửa chữa các trục tiêu dọc tuyến Đê Đông</i>		575.255.000
	<i>HM: Xây dựng mới đập Đức Phổ xã Cát Minh. (Chi phí di dời)</i>		630.212.000
2	Chi phí phục vụ BT, hỗ trợ GPMB (2%)		121.595.000
II	Chi phí xây dựng	77.300.487.000	75.706.841.000
	- Trong đó: Chi phí xây dựng	77.300.487.000	74.214.110.000
	<i>HM: Xây dựng mới đập Đức Phổ xã Cát Minh</i>	56.738.996.000	53.858.373.000
	<i>HM: Khắc phục và mở rộng hệ thống kênh tưới Văn Phong - Thuận Ninh</i>	8.241.648.000	8.213.188.000
	<i>HM: Sửa chữa đoạn kênh hộp chính N - Hệ thống kênh Cây Gai</i>	4.653.623.000	4.604.450.000
	<i>HM: Sửa chữa các trục tiêu dọc tuyến Đê Đông</i>	7.666.220.000	7.538.099.000
	- Chi phí bảo hiểm công trình	0	641.519.000
	- Chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công	0	851.212.000
III	Chi phí thiết bị	1.656.820.000	1.656.820.000
	<i>HM: Xây dựng mới đập Đức Phổ xã Cát Minh</i>	1.656.820.000	1.656.820.000
IV	Chi phí quản lý dự án	1.218.527.000	1.173.957.000
V	Chi phí tư vấn đầu tư	5.593.900.000	5.593.899.000
	<i>Giai đoạn chuẩn bị đầu tư:</i>		
1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất	623.675.000	623.675.000
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát địa hình, địa chất	18.950.000	18.950.000
3	Chi phí giám sát khảo sát địa hình, địa chất	25.721.000	25.721.000

4	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất bổ sung	487.440.000	487.440.000
5	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát địa hình, địa chất bổ sung	13.737.000	13.737.000
6	Chi phí giám sát khảo sát địa hình, địa chất bổ sung	18.646.000	18.646.000
7	Chi phí lập báo cáo NCKT	918.457.000	918.457.000
8	Chi phí đánh giá tác động môi trường	231.676.000	231.676.000
	<i>Giai đoạn lập TKBVTC:</i>		
9	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất bổ sung	11.252.000	11.252.000
10	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát địa hình, địa chất bổ sung	307.000	307.000
11	Chi phí giám sát khảo sát địa hình, địa chất bổ sung	417.000	417.000
12	Chi phí thiết kế BVTC, dự toán	1.499.943.000	1.499.942.000
13	Chi phí giám sát thi công XD	1.360.913.000	1.360.913.000
14	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu thi công XD và thiết bị (tối đa 100.000.000 đồng)	100.000.000	100.000.000
15	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu giám sát thi công XD và thiết bị (tối đa 100.000.000 đồng)	2.502.000	2.502.000
16	Chi phí giám sát chính sách an toàn môi trường & XH	118.834.000	118.834.000
17	Chi phí giám sát, đánh giá dự án đầu tư XDCT	161.430.000	161.430.000
VI	Chi phí khác	3.026.870.000	1.454.149.000
1	Chi phí thẩm định dự án đầu tư	12.958.000	12.958.000
2	Chi phí thẩm định TKBVTC, dự toán	124.064.000	124.064.000
3	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT gói thầu XD và thiết bị	68.422.000	68.422.000
4	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT gói thầu giám sát XD và thiết bị	68.422.000	2.000.000
5	Chi phí thẩm định giá thiết bị	1.100.000	1.100.000
6	Chi phí kiểm toán	583.030.000	574.853.000
	<i>Chi phí kiểm toán báo cáo tài chính</i>	<i>215.382.000</i>	<i>215.382.000</i>
	<i>Chi phí kiểm toán báo cáo QT</i>	<i>367.648.000</i>	<i>359.471.000</i>
7	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	109.551.000	104.160.000
8	Chi phí bảo hiểm công trình	641.519.000	0

9	Chi phí rà phá bom, mìn và vật nổ	566.592.000	566.592.000
	<i>Chi phí tư vấn khảo sát lập PA kỹ thuật TC và dự toán RPBM, vật nổ</i>	22.474.000	22.474.000
	<i>Chi phí thi công rà phá bom, mìn và vật nổ</i>	544.118.000	544.118.000
10	Chi phí hạng mục chung	851.212.000	0
	<i>HM: Xây dựng mới đập Đức Phổ xã Cát Minh</i>	477.107.000	
	<i>HM: Khắc phục và mở rộng hệ thống kênh tưới Văn Phong - Thuận Ninh</i>	149.208.000	
	<i>HM: Sửa chữa đoạn kênh hộp chính N - Hệ thống kênh Cây Gai</i>	85.045.000	
	<i>HM: Sửa chữa các trục tiêu dọc tuyến Đê Đông</i>	139.852.000	
VII	Dự phòng	1.944.853.000	0
1	Chi phí dự phòng do phát sinh khối lượng	1.944.853.000	0

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nội dung	Dự toán được phê duyệt	Thực hiện			
		Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán
1	2	3	4	5=3-4	6=4-3
Tổng số	96.849.114	91.693.323	91.589.163	104.160	73.596
Vốn đầu tư công:			91.589.163		
1. Vốn đã thanh toán:			91.662.759		
- Ngân sách TW:			79.276.451		
+ <i>Vốn Ngân hàng Thế giới WB:</i>			79.184.557		
+ <i>Vốn đối ứng ODA:</i>			91.894		
- Ngân sách tỉnh:			11.884.490		
+ <i>Đầu tư tập trung:</i>			1.555.733		
+ <i>Cấp quyền sử dụng đất:</i>			3.265.612		
+ <i>Thu tiền sử dụng đất:</i>			979.645		
+ <i>Ngân sách huyện Phù Cát (chi TK 3741 KB tỉnh):</i>			6.083.500		
- Ngân sách huyện:			501.818		

+ Nguồn thu tiền sử dụng đất (NS huyện Tây Sơn):			501.818		
Trong đó:					
- Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT gói thầu giám sát XD và thiết bị		2.000	68.422		66.422
- Chi phí kiểm toán báo cáo quyết toán		359.471	366.645		7.174
- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		104.160		104.160	

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			91.693.323.000	91.693.323.000
- Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			91.693.323.000	91.693.323.000

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: không.

5. Vật tư, thiết bị tồn đọng: Không

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1. Được phép tắt toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	91.693.323	
Trong đó:		
1. Đã bố trí :	91.662.759	
- Ngân sách TW:	79.276.451	
+ Vốn Ngân hàng Thế giới WB:	79.184.557	
+ Vốn đối ứng ODA:	91.894	
- Ngân sách tỉnh:	11.884.490	
+ Đầu tư tập trung:	1.555.733	
+ Cấp quyền sử dụng đất:	3.265.612	
+ Thu tiền sử dụng đất:	979.645	
+ Ngân sách huyện Phù Cát (chi TK 3741 KB tỉnh):	6.083.500	

- Ngân sách huyện:	501.818	
+ Nguồn thu tiền sử dụng đất (NS Tây Sơn):	501.818	
2. Vốn phải thu hồi:	73.596	
3. Chưa bố trí:	104.160	

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán (16/5/2022) là:

* Tổng nợ phải trả (Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán – Chi phí khác):	104.160.000 đồng
* Tổng nợ phải thu:	73.596.000 đồng
trong đó: - Chi phí khác	73.596.000 đồng
+ Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT gói thầu giám sát XD và thiết bị	66.422.000 đồng
+ Chi phí kiểm toán báo cáo QT	7.174.000 đồng

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
- Công ty Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	26.800.959.120	
- UBND huyện Phù Cát	64.892.363.880	

Điều 4. Chủ đầu tư, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình và thực hiện việc bàn giao công trình theo quy định hiện hành. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan tiến hành cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND huyện Phù Cát; Giám đốc Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10, K17

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng